

Số: /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho Doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại Doanh Nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số /STC-QLG&CS ngày /6/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh – Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

Võ Tấn Đức

QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các chức danh làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về viên chức;

b) Cá nhân ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn trực tiếp làm các công việc theo quy định của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 3. Máy móc, thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại quy định này bao gồm:

1. Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh và phòng làm việc của chức danh.

2. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng và các máy móc, thiết bị khác phục vụ chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

1. Đối với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh và phòng làm việc của chức danh

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã được quy định chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Ngoài máy móc, thiết bị quy định tại các Phụ lục II, III và IV ban hành kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cần thiết khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Việc thực hiện phải tuân thủ quy định của pháp luật, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định hiện hành của tỉnh tại Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

2. Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Theo chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê thực hiện theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định hiện hành của tỉnh tại Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện

Nghị Quyết số 112/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Cụ thể:

a) Mức khoán:

	Mức giá máy móc thiết bị theo tiêu chuẩn, định mức (đồng)	x	Tỷ lệ (%) hao mòn theo chế độ quy định
Mức khoán (đồng/tháng)	= _____		
	12 (tháng)		

Trong đó:

Mức giá máy móc, thiết bị làm cơ sở tính mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị do Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định nhưng không vượt quá mức giá quy định tại Phụ lục II, III, IV tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Tỷ lệ (%) hao mòn theo chế độ quy định được xác định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp máy móc, thiết bị áp dụng hình thức khoán không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thì tỷ lệ hao mòn được xác định là 20%/năm.

b) Đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị do Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định cụ thể và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Không thực hiện khoán kinh phí sử dụng tài sản công trong trường hợp tài sản liên quan đến bí mật nhà nước; cơ quan nhà nước đã được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản để phục vụ hoạt động, trừ trường hợp tài sản đó được xử lý theo quy định của pháp luật. Không thực hiện trang bị tài sản công, không bố trí kinh phí vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công trong trường hợp đã thực hiện khoán kinh phí sử dụng tài sản.

2. Kinh phí khoán được thanh toán cho đối tượng nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức